TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 23- 5 - 2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Dậu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Giang.
2. Bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) N Việt Nam; Địa chỉ: XX K, quận K, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Anh T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng TMCP N Việt Nam. Địa chỉ: XX T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, theo văn bản ủy quyền số 307/UQ-VCB-PC ngày 18/6/2018.

Ông Trương Anh T có văn bản ủy quyền số 515b/UQ-NHNTGL ngày 26/8/2018 cho ông Nguyễn Tấn Đ – Trưởng phòng, Phòng giao dịch S Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: XXV, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H .

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N Việt Nam (Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng TMCP N thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai đã ký kết với ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017 với số tiền vay 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay vốn 11 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 9,3%/năm, lãi suất đối với nợ gốc quá hạn là 130% của mức lãi 9,3%/năm, thời hạn trả nợ lãi là ngày 26 hàng tháng, mục đích vay vốn làm kinh tế gia đình (mua bán nông sản, chi phí chăm sóc tiêu), thời hạn trả nợ gốc là ngày 09/5/2018 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1017/17/NHNT.CS ngày 07/9/2017 với số tiền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), thời gian vay vốn 11 tháng tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 9,3%/năm, lãi suất đối với nợ gốc quá hạn là 130% của mức lãi 9,3%/năm, thời hạn trả nợ lãi là ngày 26 hàng tháng, mục đích vay vốn mua bán hàng nông sản và chi phí đầu tư chăm sóc tiêu, thời hạn trả nợ gốc là ngày 08/8/2018. Tổng số tiền mà ông H và bà H đã vay theo hai hợp đồng là 900.000.000 đ (chín trăm triệu đồng).

Để bảo đảm cho khoản nợ tại Hợp đồng số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017, ông H và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tòan bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 566m^2, thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 11, tại thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG457742 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/10/2006 mang tên ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số 06/01A/NHNT ngày 06/01/2016, công chứng ngày 06/01/2016 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/01/2016. Bảo đảm cho khoản nợ tại Hợp đồng số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017, ông H và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tòan bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 485m^2 thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 12, tại thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 174789 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/8/2006 mang tên ông Lê Văn G và bà Lê Thị T, được chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H ngày 05/6/ 2015; quyền sử dụng đất và tòan bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 358m^2, thuộc thửa đất số 191a, tờ bản đồ số 11, tại thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 407400 do UBND huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/5/2015 mang tên ông Nguyễn Hữu và bà Phạm Thị Hải, theo Hợp đồng thế chấp số 07/09A/NHNT ngày 07/09/2017, công chứng ngày 07/09/2017 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/9/2017.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi của 02 hợp đồng trên từ ngày vay cho đến ngày 26/11/2017. Từ ngày 27/11/2017, ông H và bà H không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ gốc, ông H và bà H cũng không thanh toán

nợ gốc mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, gửi văn bản thông báo nợ đến hạn, thông báo nợ quá hạn, làm việc trực tiếp,… để thương lượng phương án trả nợ nhưng không đạt kết quả.

Do vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là 1.047.182.054đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng); gồm, tiền gốc là 900.000.000đ(Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 27/11/2017 tạm tính đến ngày xét xử 23/5/2019 là 147.182.054đ(Một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng).

Trong trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 06/01A/NHNT ngày 06/01/2016 và Hợp đồng thế chấp số 07/09A/NHNT ngày 07/09/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H. Tuy nhiên, ông H và bà H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau :

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự và các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng: Buộc ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/5/2019 là 1.047.182.054đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng).

Ngân hàng TMCP N Việt Nam có nghĩa vụ trả lại các giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các hợp đồng thế chấp giữa các bên cho ông H và bà H khi ông bà thanh toán hết nợ. Trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H và bà H đã thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông H và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án án cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP N Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « Tranh chấp Hợp đồng tín dụng » giữa Ngân hàng với bị đơn ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H có địa chỉ tại Thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Theo các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp thì ông Nguyễn Hữu và bà Phạm Thị Hải có ký với Ngân hàng 02 hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017 với số tiền vay 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và số 1017/17/NHNT.CS ngày 07/9/2017 với số tiền vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 9,3%/năm, lãi suất đối với nợ gốc quá hạn là 130% của mức lãi 9,3%/năm, mục đích vay vốn làm kinh tế gia đình, mua bán hàng nông sản và chi phí đầu tư chăm sóc tiêu. Tổng số tiền mà ông Hữu và bà Hải đã vay theo hai hợp đồng nêu trên là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi của 02 hợp đồng trên từ ngày vay cho đến ngày 26/11/2017. Từ ngày 27/11/2017 cho đến nay ông bà chưa thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo nợ quá hạn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H và bà H chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn H và Bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là 1.047.182.054đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng); gồm, tiền gốc là 900.000.000 đ (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 27/11/2017 tạm tính đến ngày xét xử 23/5/2019 là 147.182.054đ(Một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng).

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để bảo đảm cho khoản nợ tại Hợp đồng số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017, ông H và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 566m^2, thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 11, tại thôn X, xã B, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG457742 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày

30/10/2006 mang tên ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số 06/01A/NHNT ngày 06/01/2016, công chứng ngày 06/01/2016 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/01/2016. Bảo đảm cho khoản nợ tại Hợp đồng số 619/17/NHNT.CS ngày 08/6/2017, ông H và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tòan bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 485m^2 thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 12, tại thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 174789 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/8/2006 mang tên ông Lê Văn G và bà Lê Thị T, được chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H ngày 05/6/ 2015; quyền sử dụng đất và tòan bộ tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 358m^2, thuộc thửa đất số 191a, tờ bản đồ số 11, tại thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 407400 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/5/2015 mang tên ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số 07/09A/NHNT ngày 07/09/2017, công chứng ngày 07/09/2017 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/9/2017.

Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông H và bà H đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên khi ông H và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai tổng số nợ là: 1.047.182.054đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng); gồm, tiền gốc là 900.000.000 đ (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi là 147.182.054đ(Một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng).

''Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này''. (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

2. Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông H và bà H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 06/01A/NHNT ngày 06/01/2016,công chứng ngày 06/01/2016 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/01/2016 và theo Hợp đồng thế chấp số 07/09A/NHNT ngày 07/09/2017, công chứng ngày 07/09/2017 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/9/2017 khi ông H và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 06/01A/NHNT ngày 06/01/2016,công chứng ngày 06/01/2016 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/01/2016 và theo Hợp đồng thế chấp số 07/09A/NHNT ngày 07/09/2017, công chứng ngày 07/09/2017 tại Văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S ngày 07/9/2017 để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn H và bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.415.461đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) [{ 36.000.000đ + 3% (1.047.182.054đ – 800.000.000đ)}] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam thông qua Phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam Chi nhánh Gia

Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.500.000 đ (Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007679 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. *"Trường hợp Bản, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện Chư Sê;
-Các đương sự;
-Thi hành án DS huyện Chư Sê;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Dậu